

Số: *196* /QĐ-PQLĐT

Biên Hòa, ngày *25* tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2020 của phòng Quản lý Đô thị thành phố Biên Hòa

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

- Căn cứ Quyết định số 5405/QĐ-UBND ngày 15 tháng 09 năm 2020 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2020;

- Xét đề nghị của kế toán đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2020 của Phòng Quản lý Đô thị thành phố Biên Hòa (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các tổ chuyên môn phòng Quản lý Đô thị thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo;
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu : VT, tổ HC.

TRƯỞNG PHÒNG



Trương Vĩnh Hiệp

Đơn vị: **PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Chương: 619

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo QĐ số: *196* /QĐ-QLĐT ngày *25* / 09 /2020 của Phòng Quản lý Đô thị thành phố)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	60.577.346.863
1	Chi quản lý hành chính	-101.990.541
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-93.090.241
1.1.1	Kinh phí hoạt động	-93.090.241
	- Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP	-93.090.241
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-8.900.000
	- Tiết kiệm thêm 10% còn lại chi thường xuyên trong năm theo Nghị Quyết số 84/NQ-CP	-8.900.000
2	Sự nghiệp thị chính	37.996.037.673
	Kinh phí dịch vụ công ích trả nợ các năm trước	37.996.037.673
3	Sự nghiệp giao thông	22.683.299.731
	Kinh phí dịch vụ công ích trả nợ các năm trước	22.683.299.731